

Số: **17** /2022/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày **05** tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phụ lục quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 38/TTr-STC ngày 16 tháng 02 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phụ lục quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định hệ số điều chỉnh giá đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, cụ thể:

1. Nội dung sửa đổi, bổ sung:

- Phụ lục I: sửa đổi, bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất (k) trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.
- Phụ lục II: sửa đổi, bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất (k) trên địa bàn thị xã Buôn Hồ.
- Phụ lục III: sửa đổi, bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất (k) trên địa bàn huyện Cư M'gar.
- Phụ lục IV: sửa đổi, bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất (k) trên địa bàn huyện Cư Kuin.
- Phụ lục V: sửa đổi, bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất (k) trên địa bàn huyện Ea Súp.
- Phụ lục VI: sửa đổi, bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất (k) trên địa bàn huyện Krông Ana.
- Phụ lục VII: sửa đổi, bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất (k) trên địa bàn huyện Lắk.
- Phụ lục VIII: sửa đổi, bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất (k) trên địa bàn huyện M'Drăk.

(Chỉ tiết tại các Phụ lục kèm theo)

2. Các nội dung khác tiếp tục thực hiện theo quy định tại Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này và định kỳ báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 / 5 /2022 đến hết ngày 31/12/2022. /

Nơi nhận

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp chế, Cục QLCS - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- UBNDTTQVN tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp, TT&TT;
- Lưu: VT, KT (XTn 50b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Ngọc Nghị

Phụ lục I
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT (K)
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
(Kèm theo Quyết định số 17 /2022/QĐ-UBND ngày 05 / 5 /2022 của UBND tỉnh)

Nội dung sửa đổi, bổ sung

STT	Tên đường	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất sửa đổi, bổ sung (Lần)
		Từ	Đến	
A	ĐẤT Ở ĐÔ THỊ (BỔ SUNG)			
I	Khu dân cư 3,2ha, phường Tân An:			
1	Đường Tôn Đức Thắng nối dài, QH 30m	Phạm Hùng	Đường 2-D, đường nối từ Hà Huy Tập đến Quốc lộ 14	1,60
2	Đường 2-D, QH 30m	Hà Huy Tập	Quốc lộ 14	1,60
3	Đường N-1, QH 24m			1,60
4	Đường số 1-D, QH 16m			1,60
5	Đường số 3-N và 2-N, QH 16m			1,60
II	Khu dân cư 5,4ha, phường Tân An:			
1	Đường N4, Quy hoạch 30m	Hà Huy Tập	Quốc lộ 14	1,60
2	Đường N3, Quy hoạch 20m (đường vành đai cũ)			1,60
3	Đường D1, Quy hoạch 20m			1,60
4	Đường số 3, Quy hoạch 20m			1,60
5	Đường số 4, Quy hoạch 20m			1,60
6	Đường số 1, số 2, Quy hoạch 16m			1,60
III	Khu dân cư Km7, phường Tân An:			
1	Đường KV2	Đường D6	Đường 10/3	1,60
2	Đường KV3	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường KV2	1,60
3	Đường D1	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường KV2	1,60
4	Đường D2	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường KV2	1,60
5	Đường D5	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường KV2	1,60
6	Đường D6	Đường D5	Đường KV2	1,60
7	Đường N4	Đường D5	Đường KV3	1,60
8	Đường N8	Đường D1	Đường D5	1,60
9	Đường N9	Đường N8 (tại vị trí thửa số NP5-2,22)	Đường D5	1,60
10	Đường N11	Đường N12 (tại vị trí thửa số NP2-1,20)	Giao với đường N12 (tại vị trí thửa NP2-1,37)	1,60
11	Đường N12	Đường Tôn Đức Thắng (tại vị trí thửa số NP2-2,14 và NP1-4,17)	Giao với đường Tôn Đức Thắng (tại vị trí thửa NP2-1,1 và NP1-1,17)	1,60
12	Đường Tôn Đức Thắng nối dài	Đường D5	Đường KV3	1,60
IV	Khu dân cư Hà Huy Tập, phường Tân An:			
1	Đường N1	Đường Hà Huy Tập	Đường D7	1,60
2	Đường N8	Đường D1	Đường D6	1,60
3	Đường D1	Đường N6	Đường N8	1,60
4	Đường D6	Đường N1	Đường N8	1,60

STT	Tên đường	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất sửa đổi, bổ sung (Lần)
		Từ	Đến	
5	Đường D7	Đường N1	Đường N9	1,60
6	Đường N9	Đường D6	Đường D7	1,60
7	Đường N2	Đường D2	Đường D4	1,60
8	Đường N3	Đường Hà Huy Tập	Đường D6	1,60
9	Đường N4	Đường D2	Đường D4	1,60
10	Đường N5	Đường D3	Đường D6	1,60
11	Đường N6	Đường Hà Huy Tập	Đường D6	1,60
12	Đường N7	Đường D2	Đường D5	1,60
13	Đường D2	Đường N1	Đường N8	1,60
14	Đường D3	Đường N4	Đường N6	1,60
15	Đường D4	Đường N1	Đường N5	1,60
16	Đường D5	Đường N6	Đường N8	1,60
V	Hai tuyến đường mới tại Phường Tân An:			
1	Nguyễn Hồng Ứng	Lê Văn Nhiều	Trương Quang Giao	1,50
2	Phan Đăng Lưu	Nguyễn Hữu Thọ	Hoàng Minh Thảo	1,50
VI	Khu vực đầu tư xây dựng mới hoặc tuyến đường mới			
1	Đường rộng từ 20m trở lên			1,30
2	Đường rộng từ 10 đến dưới 20m			1,30
3	Đường rộng dưới 10m			1,30
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN (BỔ SUNG)			
	Xã Ea Kao			
	Đất khu vực còn lại dọc 2 bên đường Y Wang nối dài (Đoạn từ ngã ba Bưu Điện đến Đập Ea Kao)			
1	Đường rộng từ 5m trở lên			1,30
2	Đường rộng dưới 5m			1,30

Phụ lục II
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT (K)
TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ BUÔN HỒ

(Kèm theo Quyết định số **17** /2022/QĐ-UBND ngày **05** / **5** /2022 của UBND tỉnh)

I. Nội dung sửa đổi, bổ sung

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất sửa đổi, bổ sung (Lần)
		Từ	Đến	
A	ĐẤT Ở ĐÔ THỊ (Sửa đổi)			
I	Phường An Lạc			
1	Trần Hưng Đạo	Hùng Vương	Hai Bà Trưng	1,20
		Hai Bà Trưng	Phan Bội Châu	1,20
		Phan Bội Châu	Hết ranh giới chùa An Lạc	1,20
II	Phường An Bình			
2	Hoàng Diệu	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	1,20
		Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Tất Thành	1,20
3	Nguyễn Chí Thanh	Hoàng Diệu	Lê Quý Đôn	1,20

B	ĐẤT Ở NÔNG THÔN (Sửa đổi)			
I	Xã Cư Bao			
1	Đường vào chợ Cư Bao	Quốc lộ 14	Đến cổng B chợ	1,00
II	Xã Ea Siên			

II. Thay thế các nội dung tại Phụ lục II Hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thị xã Buôn Hồ, kèm theo Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh, gồm:

I. Đất ở đô thị				
1. Số thứ tự (STT) 11 Mục I, phường An Lạc:				
11	Trần Hưng Đạo	Hùng Vương	Hai Bà Trưng	1,00
		Hai Bà Trưng	Phan Bội Châu	1,00
		Phan Bội Châu	Hết ranh giới chùa An Lạc	1,00
2. Số thứ tự (STT) 9 Mục II, phường An Bình:				
9	Hoàng Diệu	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	1,00
		Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Tất Thành	1,00
3. Số thứ tự (STT) 17 Mục II, phường An Bình:				
17	Nguyễn Chí Thanh	Hoàng Diệu	Lê Quý Đôn	1,00
II. Đất ở nông thôn				
1. Số thứ tự (STT) 05 Mục I, xã Cư Bao:				
5	Đường vào chợ Cư Bao	Quốc lộ 14	Đến cổng B chợ	1,20
2. Số thứ tự (STT) 07 Mục V, xã Ea Siên:				
7	Tuyến thôn 7	Cổng chào thôn 7 (thửa đất số 100, TĐĐ 38)	Hết ranh giới đất nhà ông Xô (thôn 7, thửa đất số 776, TĐĐ 50)	1,20

Phụ lục III
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT (K)
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CUM'GAR
 (Kèm theo Quyết định số **17** /2022/QĐ-UBND ngày **05** / **5** /2022 của UBND tỉnh)

I. Nội dung sửa đổi, bổ sung

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất sửa đổi, bổ sung (Lần)
		Từ	Đến	
A	ĐẤT Ở ĐÔ THỊ			
I	Thị trấn Quảng Phú			
	Hùng Vương	Giáp tổ dân phố 8	Giáp ranh giới xã Ea K'pam	1,40
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN			
III	Xã Ea M'nam			
1	Đường liên xã	Thôn 1A (Ngã ba đi TT Quảng Phú, đi UBND xã Ea M'nam, đi Quảng Hiệp)	Cua 90 (Ranh giới xã Quảng Hiệp)	1,00
2	Khu dân cư còn lại			1,00

II. Thay thế các nội dung tại Phụ lục VI Hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn huyện Cum'gar, kèm theo Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh, gồm:

	I. Đất ở đô thị:			
	Số thứ tự (STT) 1 Mục I, thị trấn Quảng Phú:			
	Hùng Vương	Giáp tổ dân phố 8	Giáp ranh giới xã Ea K'pam	1,00
	II. Đất ở tại nông thôn			
	Số thứ tự (STT) 1 và 7 Mục III, xã Ea M'Nam			
III	Xã Ea M'nam			
1	Đường liên xã	Thôn 1A (Ngã ba đi TT Quảng Phú, đi UBND xã Ea M'nam, đi Quảng Hiệp)	Cua 90 (Ranh giới xã Quảng Hiệp)	2,00
7	Khu dân cư còn lại			2,00

Phụ lục IV
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT (K)
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CƯ KUIN
 (Kèm theo Quyết định số **17** /2022/QĐ-UBND ngày **05** / **5** /2022 của UBND tỉnh)

I. Nội dung sửa đổi, bổ sung

S T T	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất sửa đổi, bổ sung (Lần)
		Từ	Đến	
I	Xã Ea Tiêu			
1	Quốc lộ 27	Cầu buôn K'ram (giáp TP, Buôn Ma Thuột)	Đường dọc kênh thủy lợi	1,20
		Đường dọc kênh thủy lợi	Hết cửa hàng xăng dầu Hoài Ân	1,20
		Hết cửa hàng xăng dầu Hoài Ân	Ngã 3 đường vào UBND xã	1,30
		Ngã 3 đường vào UBND xã	Hết cửa hàng phân bón Thanh Bình	1,20
		Hết cửa hàng phân bón Thanh Bình	Đường vào Giáo xứ Vinh Hòa	1,20
		Đường vào Giáo xứ Vinh Hòa	Cổng chào thôn 2	1,20
		Cổng chào thôn 2	Cổng đối diện cổng chào thôn 8 (xã Ea Bhốk)	1,20
		Cổng đối diện cổng chào thôn 8 (xã Ea Bhốk)	Trường tiểu học Kim Đồng	1,30
		Trường tiểu học Kim Đồng	Giáp xã Dray Bhang	1,20
2	Khu vực chợ Trung Hòa	Các đường bên trong và giáp chợ Trung Hòa		1,10
3	Đường liên thôn	Ngã ba Quốc lộ 27 (chợ buôn Kram)	Ngã ba đường liên thôn (cách Quốc lộ 27 - 300m)	1,20
		Ngã ba đường liên thôn (cách Quốc lộ 27 - 300m)	Kênh thủy lợi (cổng chào thôn 7)	1,20
		Kênh thủy lợi (cổng chào thôn 7)	Hết thôn 6	1,10
		Hết thôn 6	Ngã ba buôn Tiêu	1,10
4	Đường dọc kênh thủy lợi	Cách ngã tư Quốc lộ 27 - 300m	Cổng chào thôn 7	1,10
5	Đường liên xã	Ngã ba Quốc lộ 27	Cổng chào buôn Kram	1,20
		Cổng chào buôn Kram	Ngã ba đường vào bãi bán	1,20
		Ngã ba đường vào bãi bán	Ngã ba buôn Tiêu	1,20
		Ngã ba buôn Tiêu	Hồ cạnh Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Tiêu	1,20
		Hồ cạnh Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Tiêu	Cổng chào thôn 11	1,20
		Cổng chào thôn 11	Ngã ba đường đi xã Ea Kao, TP, Buôn Ma Thuột	1,20
6	Đường liên xã	Ngã ba Quốc lộ 27	Ngã tư đường vào Trung tâm GDTX cũ	1,10
		Ngã tư đường vào Trung tâm GDTX	Đầu buôn Ciết	1,10
		Đầu buôn Ciết	Hết đoạn đường thẳng (dài khoảng 390m)	1,10
		Hết đoạn đường thẳng (dài khoảng 390m)	Cụm công nghiệp Cư Kuin (hết buôn Ciết)	1,20
		Ngã tư đầu đường nhựa buôn Ciết	Hết đường bê tông (Giáp xã Dray Bhang)	1,20

S T T	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất sửa đổi, bổ sung (Lần)
		Từ	Đến	
7	Các đường thuộc khu dân cư trong phạm vi bán kính 300m tính từ mốc lộ giới đường Quốc lộ 27			1,10
8	Khu dân cư	Thuộc các thôn: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12, buôn Ciết, buôn Kram và buôn Luk		1,10
		Các thôn, buôn còn lại		1,10
II	Xã Ea Ktur			
1	Quốc lộ 27	Cầu buôn K'ram (giáp TP, Buôn Ma Thuột)	Đường vào khu dân cư thôn 8 (Ngang dốc)	1,20
		Đường vào khu dân cư thôn 8 (Ngang dốc)	Công ty TNHH MTV Cà phê Việt Đức (đường vào thôn 6, 9)	1,20
		Công ty TNHH MTV Cà phê Việt Đức (đường vào thôn 6, 9)	Ngã ba đường vào Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Sim	1,30
		Ngã ba đường vào Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Sim	Cổng chào thôn 1	1,20
		Cổng chào thôn 1	Cổng chào thôn 2	1,20
		Cổng chào thôn 2	Ngã ba cuối thôn 2, đầu thôn 5	1,20
		Ngã ba cuối thôn 2, đầu thôn 5	Giáp xã Ea Bhók	1,20
2	Đường liên xã	Ngã ba Quốc lộ 27	Đường vào Công ty TNHH MTV cà phê Ea Sim đến hết thửa đất số 9430 bên trái và đồng thời tiếp giáp đến hết thửa đất số 9636 bên phải, TBD số 40)	1,10
		Hết khu dân cư thôn 10 (cách Quốc lộ 27 - 450m)	Đập Ea Sim	1,10
		Đập Ea Sim	Cổng chào thôn 15	1,10
		Cổng chào thôn 15	Đập Việt Đức 4 (giáp xã Ea Ning)	1,10
		Ngã ba buôn Plei Năm	Đến hết thửa đất 3716 bên phải và đồng thời tiếp giáp đến hết thửa 3713 bên trái, TBD số 22)	1,10
		Cuối khu dân cư Plei Năm (dài khoảng 1,300m)	Giáp xã Hòa Đông	1,10
3	Đường liên thôn	Ngã ba Quốc lộ 27	Cổng Giáo xứ Vinh Hòa	1,10
4	Các đường thuộc khu dân cư trong phạm vi bán kính 300m tính từ mốc lộ giới đường Quốc lộ 27			1,10
5	Khu dân cư	Thuộc các thôn: 1, 2, 3, 4		1,10
		Thuộc các thôn: 5, 7, 8, 10		1,10
		Các thôn, buôn còn lại		1,10
III	Xã Ea Bhók			
1	Quốc lộ 27	Giáp xã Ea Ktur	Cổng chào thôn 8	1,20
		Cổng chào thôn 8	Ngã ba đối diện Trường tiểu học Kim Đồng	1,30
		Ngã ba đối diện Trường tiểu học Kim Đồng	Hết Thửa đất Giáo họ Kim Tân	1,20
		Hết Thửa đất Giáo họ Kim Tân	Ngã ba Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Ktur	1,20
		Ngã ba Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Ktur	Giáp xã Dray Bhang	1,20

S T T	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất sửa đổi, bổ sung (Lần)
		Từ	Đến	
2	Đường liên xã	Ngã ba Quốc lộ 27	Ngã ba đường trục chính thôn 4	1,10
		Ngã ba đường trục chính thôn 4	Ngã ba đường đi buôn Puk Prong	1,10
		Ngã ba đường đi buôn Puk Prong	Cầu giáp xã Ea Ning	1,10
		Ngã ba đường đi buôn Puk Prong	Hết buôn Bhók - thôn 2	1,10
		Hết buôn Bhók - thôn 2	Cầu trắng	1,10
3	Đường liên xã	Ngã tư Quốc lộ 27	Ngã ba đường vào Trường THCS Ea BHók	1,10
		Ngã ba đường vào Trường THCS Ea BHók	Ngã ba buôn Ea Khít	1,10
		Ngã ba buôn Ea Khít	Giáp xã Ea Hu	1,10
4	Các đường thuộc khu dân cư trong phạm vi bán kính 300m tính từ mốc lộ giới đường Quốc lộ 27			1,10
5	Đường trục chính thôn 4	Ngã ba Quốc lộ 27	Ngã ba đường liên xã	1,10
6	Khu dân cư	Thuộc thôn 4		1,10
		Thuộc các thôn: 1, 8; buôn Ea Mta, buôn Ea Mta A và buôn Ea Kmar		1,10
		Các thôn, buôn còn lại		1,10
IV	Xã Dray Bhang			
1	Quốc lộ 27	Giáp xã Ea Tiêu	Đổi diện ngã ba Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Ktur	1,20
		Đổi diện ngã ba Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Ktur	Hết đất ông Đặng Văn Thịnh (thửa đất số 10311, tờ bản đồ 21)	1,20
		Hết đất ông Đặng Văn Thịnh (thửa đất số 10311, tờ bản đồ 21)	Giáp xã Hòa Hiệp	1,20
		Giáp xã Ea Bhók	Giáp chợ xã Hòa Hiệp	1,20
2	Tỉnh lộ 10	Ngã tư Quốc lộ 27	Đầu thôn Lô 13	1,30
		Đầu thôn Lô 13	Hết KDC tập trung thôn lô 13	1,30
		Hết KDC tập trung thôn lô 13	Đường đi vào xóm đôi khu 5 (hết thửa số 10, TBD 60)	1,20
		Đường đi vào xóm đôi khu 5 (hết thửa số 10, TBD 60)	Giáp huyện Krông Ana	1,20
3	Khu TT đô thị - Cơ quan hành chính huyện Cư Kuin	Các trục số 2, 3		1,20
		Các trục số 5, 6, 7; trục nội bộ (23m)		1,50
		Các trục nội bộ còn lại		1,50
4	Đường liên thôn	Đường song song Tỉnh lộ 10 (thuộc thôn lô 13)		1,10
5	Đường giáp ranh xã Dray Bhang và xã Hòa Hiệp	Ngã ba Quốc lộ 27 (Hết chợ Hòa Hiệp)	Đường liên thôn tuyến 2 song song Quốc lộ 27	1,10
6	Đường liên xã	Hết thôn Mới xã Hòa Hiệp	Hết buôn Hra Ea Ning	1,10
7	Các đường thuộc khu dân cư trong phạm vi bán kính 300m tính từ mốc lộ giới đường Quốc lộ 27 thuộc khu vực thôn Nam Hòa			1,10
	Các đường thuộc khu dân cư trong phạm vi bán kính 300m tính từ mốc lộ giới đường Quốc lộ 27 đến tiếp giáp đường Quy hoạch 36m			1,10
	Các đường thuộc khu dân cư trong phạm vi bán kính 300m tính từ mốc lộ giới đường Quốc lộ 27 đoạn từ ngã tư Quốc lộ 27 đến giáp xã Hòa Hiệp (Cả hai bên đường dọc QL 27)			1,10
8	Khu dân cư	Thuộc thôn Kim Châu		1,10
		Thuộc thôn Nam Hòa và thôn Lô 13		1,10
		Các thôn, buôn còn lại		1,10

S T T	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất sửa đổi, bổ sung (Lần)
		Từ	Đến	
V	Xã Hòa Hiệp			
1	Quốc lộ 27	Giáp xã Dray Bhang	Ngã ba đường vào thôn Mới và nhà thờ Kim Phát	1,10
		Ngã ba đường vào thôn Mới và nhà thờ Kim Phát	Hết thôn Thành Công	1,10
		Hết thôn Thành Công	Đến đầu đèo Giang Sơn	1,10
		Đến đầu đèo Giang Sơn	Đến cầu Giang Sơn giáp huyện Krông Bông	1,10
2	Đường liên xã	Ngã ba Quốc lộ 27	Hết thôn Mới	1,10
		Ngã ba Quốc lộ 27 (giáp chợ Hòa Hiệp)	Đường liên thôn tuyến 2 song song Quốc lộ 27	1,10
3	Các đường tuyến 2, tuyến 3 song song Quốc lộ 27, các đường nhánh từ Quốc lộ 27 đến hết đường tuyến 3 (thuộc thôn Kim Phát) Trừ khu vực chợ Hòa Hiệp	Giáp xã Dray Bhang	Hết nhà thờ Kim Phát	1,10
		Hết nhà thờ Kim Phát	Quốc lộ 27	1,10
4	Chợ Hòa Hiệp	Các Kiốt trong chợ		1,30
5	Đường tuyến 2 song song Quốc lộ 27 (Khu vực chợ Hòa Hiệp)	Từ nhà ông Hà Đức Minh (thửa đất số 3468, tờ bản đồ 22)	Giáp xã Dray Bhang	1,30
6	Đường nội thôn (thuộc thôn Mới)	Ngã ba đường liên xã Hòa Hiệp, Dray Bhang (Cách Quốc lộ 27 - 635m)	Giáp xã Dray Bhang	1,10
7	Khu dân cư	Thuộc phần còn lại của thôn Kim Phát		1,10
		Thuộc thôn Thành Công và thôn Mới		1,10
		Các thôn, buôn còn lại		1,10
VI	Xã Ea Ning			
1	Đường liên xã	Đập Việt Đức 4	Hết Công ty TNHH MTV Cà phê Ea H'ning	1,20
		Từ cổng chào thôn 15	Đến hết bờ tường công ty TNHH MTV Cà phê Ea H'ning	1,10
		Hết Công ty TNHH MTV Cà phê Ea H'ning	Ngã tư sân bóng	1,10
		Ngã tư sân bóng	Hết đoạn đường thẳng (dài khoảng 360m)	1,10
		Hết đoạn đường thẳng	Giáp xã Cư Êwi	1,10
		Ngã ba cây xăng Đức Hoi	Ngã tư sân bóng	1,10
		Ngã ba chợ Việt Đức 4	Hết ngã ba cây xăng Đức Hoi	1,10
		Hết ngã ba cây xăng Đức Hoi	Ngã ba cổng chào buôn Puk Prong	1,10
		Ngã ba cổng chào buôn Puk Prong	Cách ngã ba sân bóng thôn 23 khoảng 430m (phía Bắc)	1,10
		Cách ngã ba sân bóng thôn 23 khoảng 430m (phía Bắc)	Cách ngã ba sân bóng thôn 23 khoảng 430m (phía Nam)	1,10
		Cách ngã ba sân bóng thôn 23 khoảng 430m (phía Nam)	Giáp xã Ea Bhook	1,10
		Ngã ba cổng chào buôn Puk Prong	Ngã ba đường vào thôn 9 xã Ea Ning	1,10
		Ngã ba đường vào thôn 9 xã Ea Ning	Hết tường rào Công ty TNHH MTV Cà phê Chư Quỳnh	1,10
		Hết tường rào Công ty TNHH MTV Cà phê Chư Quỳnh	Đường liên xã (gồm cả hai nhánh đường)	1,10

S T T	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất sửa đổi, bổ sung (Lần)
		Từ	Đến	
2	Khu vực chợ Việt Đức 4	Các đường bên trong và giáp chợ Việt Đức 4		1,10
3	Đường liên xã	Cầu trắng	Cổng chào thôn 6	1,10
		Cổng chào thôn 6	Hết đoạn đường nhựa chợ An Bình	1,10
		Hết đoạn đường nhựa chợ An Bình	Giáp xã Cư Êwi	1,10
4	Khu dân cư	Thuộc thôn 8, 15, 21 và 22		1,10
		Các thôn, buôn còn lại		1,10
VII	Xã Cư Êwi			
1	Đường liên xã	Cầu chăn nuôi	Giáp xã Ea Ning	1,10
2	Đường liên thôn	Từ cổng chào thôn 12	Cổng chào buôn Tách M'Ngà	1,10
3	Đường nội thôn 12 tuyến 1	Ngã tư đường liên thôn	Hết thôn 12	1,10
	Đường nội thôn 12 tuyến 2	Ngã tư đường liên thôn	Đập 45 xã Ea Ning	1,10
	Đường nội thôn 1C	Ngã ba đường liên xã	Đập Tách M'Ngà	1,10
	Đường nội thôn 1A	Ngã ba đường liên xã	Hết khu dân cư thôn 1A (hướng đi Nghĩa địa thôn 1A, 1B)	1,10
4	Khu vực còn lại			1,10
VIII	Xã Ea Hu			
1	Đường liên xã	Cầu trắng	1	1,10
		Ngã ba đối diện cổng chào thôn 6 xã Ea Ning	1	1,10
		Hết đoạn đường nhựa đi xã Cư Êwi	Giáp xã Cư Êwi	1,10
		Ngã ba đường liên xã đi xã Ea Hu, Cư Êwi	Hết chợ An Bình	1,10
		Hết chợ An Bình	Cổng thoát nước (đầu chợ Ea Tur)	1,10
		Cổng thoát nước (đầu chợ Ea Tur)	Hết đất ông Nguyễn Hiền (thửa đất số 161, tờ bản đồ 79)	1,10
		Hết đất ông Nguyễn Hiền (thửa đất số 161, tờ bản đồ 79)	Hết đất ông Bùi Tỵ (thửa đất số 108, tờ bản đồ 15)	1,10
		Hết đất ông Bùi Tỵ (thửa đất số 108, tờ bản đồ 15)	Cầu Thác đá	1,10
		Cầu Thác đá	Giáp xã Ea Bhook	1,10
2	Đường liên thôn	Ngã ba đường liên xã	Cổng chào thôn 1	1,10
		Cổng chào thôn 1	Hết sân bóng thôn 1	1,10
		Cổng chào thôn 4	Hết sân bóng thôn 4	1,10
		Ngã 3 trường Nguyễn Tất Thành	Cổng chào thôn 7	1,10
		Ngã ba nhà Hùng Nho (Thửa đất 15649, tờ bản đồ số 69)	Ngã ba nhà ông Liệu (thửa đất 45 tờ bản đồ số 79)	1,10
3	Khu dân cư thôn 2			1,10
4	Khu dân cư thôn 1 và thôn 4			1,10
5	Khu dân cư thôn 3			1,10
6	Khu vực còn lại			1,10

Phụ lục V
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT (K)
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN EA SÚP

(Kèm theo Quyết định số **17** /2022/QĐ-UBND ngày **05** / **5** /2022 của UBND tỉnh)

I. Nội dung sửa đổi, bổ sung

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất sửa đổi, bổ sung (Lần)
		Từ	Đến	
A	ĐẤT Ở ĐÔ THỊ			
I	Thị trấn Ea Súp			
1	Hùng Vương	Cổng trước Hạt Kiểm Lâm	Đập tràn thủy lợi 1	1,30
		Đập tràn thủy lợi 1	Kênh Chính Đông (nhà ông Minh Mẫu)	1,40
B	ĐẤT Ở NÔNG THÔN			
I	Xã Ea Rôk			
1	Đường liên xã	Giáp xã Ea Lê	Ngã ba nhà ông Thanh Lệ	1,20
		Ngã ba nhà ông Thanh Lệ	Hết nhà Ông Dạy	1,20
		Hết nhà ông Dạy	Cầu Cây Sung	1,20
		Cầu Cây Sung	Ngã tư (hết đất trụ sở UBND xã)	1,40
		Ngã tư (hết đất trụ sở UBND xã)	Cầu qua sông Ea HLeo	1,20
2	Các đường khác thuộc Trung tâm cụm xã Ea Rôk			1,20
II	Xã Cư K'Bang			
1	Đường trục chính	Giáp xã Ea Lê	Cầu xây (Trạm Y tế)	1,20
		Cầu xây (Trạm y tế)	Ngã ba thôn 4A	1,40
2	Đường Liên xã	Ranh giới đất nhà ông Cù Văn Toan	Hết ranh giới đất nhà ông Lập	1,20
		Đầu thôn 10	Cuối thôn 15 (Giáp xã Ea Rôk)	1,40
3	Đường liên thôn	Ranh giới đất nhà ông Bảo	Hết ranh giới đất nhà ông Việt	1,20

II. Thay thế các nội dung tại Phụ lục VIII Hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn huyện Ea Súp , kèm theo Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh, gồm:

	I. Đất ở đô thị:			
	1. Số thứ tự (STT) 1 thị trấn Ea Súp			
1	Hùng Vương	Cổng trước Hạt Kiểm Lâm	Đập tràn thủy lợi 1	1,20
		Đập tràn thủy lợi 1	Kênh Chính Đông (nhà ông Minh Mẫu)	1,20
	II. Đất ở nông thôn			
	1. Số thứ tự (STT) 1, 2 Mục III, xã Ea Rôk:			

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất sửa đổi, bổ sung (Lần)
		Từ	Đến	
1	Đường liên xã	Giáp xã Ea Lê	Ngã ba nhà ông Thanh Lệ	1,00
		Ngã ba nhà ông Thanh Lệ	Hết nhà Ông Dạy	1,00
		Hết nhà ông Dạy	Cầu Cây Sung	1,00
		Cầu Cây Sung	Ngã tư (hết đất trụ sở UBND xã)	1,00
		Ngã tư (hết đất trụ sở UBND xã)	Cầu qua sông Ea HLeo	1,00
2	Các đường khác thuộc Trung tâm cụm xã Ea Rốc			1,00
2. Số thứ tự (STT) 1, 2,3 Mục VII, xã Cư K'Bang:				
1	Đường trục chính	Giáp xã Ea Lê	Cầu xây (Trạm Y tế)	1,00
		Cầu xây (Trạm y tế)	Ngã ba thôn 4A	1,00
2	Đường Liên xã	Ranh giới đất nhà ông Cù Văn Toan	Hết ranh giới đất nhà ông Lập	1,00
		Đầu thôn 10	Cuối thôn 15 (Giáp xã Ea Rốc)	1,00
3	Đường liên thôn	Ranh giới đất nhà ông Bảo	Hết ranh giới đất nhà ông Việt	1,00

Phụ lục VI
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT (K)
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN KRÔNG ANA
*(Kèm theo Quyết định số **17** /2022/QĐ-UBND ngày **05** / **5** /2022 của UBND tỉnh)*

I. Nội dung sửa đổi, bổ sung

STT	Tên đường	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất sửa đổi, bổ sung (Lần)
		Từ	Đến	
A	ĐẤT Ở ĐÔ THỊ			
	Thị trấn Buôn Tráp			
1	Hùng Vương	Bà Triệu	Lê Lợi, Lý Thường Kiệt	1,40
		Lê Lợi, Lý Thường Kiệt	Nguyễn Chí Thanh	1,40
2	Nơ Trang Gùh	Bà Triệu	Mai Hắc Đế	1,40
		Mai Hắc Đế	Cao Thắng	1,40
		Cao Thắng	Y Bih Alêo	1,40
		Y Bih Alêo	Nguyễn Bình Khiêm	1,40
		Nguyễn Bình Khiêm	Bờ sông Krông Ana	1,40
3	Nguyễn Tất Thành	Hùng Vương	Chu Văn An	1,40
		Chu Văn An	Ngã 3 đường vào xã Bình Hoà	1,40
4	Chu Văn An	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Chí Thanh	1,40
5	Nguyễn Chí Thanh	Hùng Vương	Chu Văn An	1,40
6	Đường số 1, 2, 3, 4	Lê Duẩn	Đường số 11	1,50
	Đường số 5	Đường số 10	Đường số 11	1,50
	Đường số 6	Đường số 10	Đường số 11	1,50
	Đường số 7	Lê Duẩn	Đường số 11	1,50
	Đường số 8	Lê Duẩn	Đường số 11	1,50
7	Đường số 9	Nguyễn Du	Đường số 4	1,50
		Đường số 7	Ngô Quyền	1,50
8	Đường số 10, 11	Đường Nguyễn Du	Đường số 4	1,50
		Đường số 4	Đường số 5	1,50
		Đường số 5	Đường số 6	1,50
		Đường số 6	Đường số 7	1,50
		Đường số 7	Đường Ngô Quyền	1,50
9	Tỉnh lộ 2	Giáp xã Ea Bông	Hết nhà văn hoá Buôn Rung	1,40
		Hết nhà văn hoá Buôn Rung	Đến cổng tràn Hồ Sen	1,40
10	Đường giao thông liên xã (Tỉnh lộ 10A)	Tỉnh lộ 2	Hết nhà văn hoá thôn Quỳnh Tân 3	1,40
		Hết nhà văn hoá thôn Quỳnh Tân 3	Hết ranh trường tiểu học Đinh Tiên Hoàng	1,40
		Hết ranh trường tiểu học Đinh Tiên Hoàng	Ranh giới xã Bằng Adrênh	1,40

STT	Tên đường	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất sửa đổi, bổ sung (Lần)
		Từ	Đến	
11	Đường N2	Đường số 11	Đường D4	1,50
12	Đường N3	Đường số 11	Đường D4	1,50
13	Đường N4	Đường số 11	Đường D4	1,50
17	Đường N5	Đường số 11	Đường D4	1,50
15	Đường N6	Đường số 11	Đường D4	1,50
16	Đường N7	Đường số 11	Đường D4	1,50
17	Đường D4	Đường N7	Đường N5	1,50
		Đường N5	Đường N4	1,50
		Đường N4	Đường N3	1,50
		Đường N3	Đường N2	1,50
B	ĐẤT Ở NÔNG THÔN			
I	Xã Dray Sáp			
1	Tỉnh lộ 2	Giáp thành phố Buôn Ma Thuột	Giáp xã Ea Na	1,20
2	Đường đi buôn Kuốp 2	Ngã ba giáp Trụ sở thôn Dray Sáp	Hết ranh giới trường tiểu học Hà Huy Tập	1,20
		Hết ranh giới trường tiểu học Hà Huy Tập	Ngã ba An Na	1,20
		Từ ngã ba thôn An Na (Nhà ông Vũ Công Hồng)	Hết ranh giới nhà ông Phạm Ngọc Đạt (đi Buôn Kuốp)	1,20
3	Đường liên xã	Ngã ba thôn An Na	Giáp xã Ea Na	1,20
4	Đường thôn Đồng Tâm	Giáp Trụ sở thôn Dray Sáp	Giáp xã Hòa Phú (Buôn Ma Thuột)	1,20
5	Khu vực chợ Dray Sáp	Cầu sắt	Đường TL2 (hướng Buôn Ma Thuột)	1,20
		Giáp Trụ sở thôn Dray Sáp	Cầu sắt đi TL2 cũ (hướng đi Buôn Trấp)	1,20
II	Xã Ea Na			
1	Tỉnh lộ 2	Đèo Ea Na (giáp xã Dray Sáp)	Đến giáp trường tiểu học Lê Hồng Phong	1,20
		Đến giáp trường tiểu học Lê Hồng Phong	Ngã ba đường vào Hội trường thôn Tân Lập	1,20
		Ngã ba đường vào Hội trường thôn Tân Lập	Ngã ba Nhà thờ Quỳnh Ngọc	1,20
		Ngã ba nhà ông Thanh (Chợ Quỳnh Ngọc)	Bưu điện buôn Tor	1,20
		Bưu điện buôn Tor	Ngã ba (Lên đèo 556)	1,20
		Ngã ba (lên đèo 556)	Cổng chào Buôn Cuăh	1,20
		Cổng chào Buôn Cuăh	Giáp xã Ea Bông	1,20

STT	Tên đường	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất sửa đổi, bổ sung (Lần)
		Từ	Đến	
III	Xã Ea Bông			
1	Tỉnh lộ 2	Giáp xã Ea Na	Đến cổng chào thôn Hoà Tây	1,20
		Đến cổng chào thôn Hoà Tây	Đến cổng chào thôn Hoà Đông	1,20
		Đến cổng chào thôn Hoà Đông	Hết ranh giới đất Trụ sở UBND xã Ea Bông	1,20
		Hết ranh giới đất Trụ sở UBND xã Ea Bông	Ngã ba đường vào Buôn Xá	1,20
		Ngã ba đường vào Buôn Xá	Giáp thị trấn Buôn Trấp	1,20
2	Tỉnh lộ 10	Tỉnh lộ 2	Đầu buôn Riăng	1,20
IV	Xã Quảng Điền			
1	Tỉnh lộ 2	Giáp ranh xã Bình Hòa	Ngã 3 Cây Cóc	1,20
		Ngã 3 Cây Cóc	Hết Tỉnh Lộ 2	1,20
V	Xã Băng Adrênh			
1	Đường giao thông liên xã (Tỉnh lộ 10A)	Giáp thị trấn Buôn Trấp	Hết chợ trung tâm cụm xã	1,20
		Hết chợ trung tâm cụm xã	Ngã ba buôn K62	1,20
2	Đường giao thông liên xã	Ngã ba Cây Hương	Hết đất ông Hòa (Đường đi về Dur Kmăl)	1,20
		Hết đất ông Hòa (Đường đi về Dur Kmăl)	Giáp ranh xã Dur Kmăl	1,20
VI	Xã Dur Kmăl			
1	Đường giao thông liên xã	Giáp ranh xã Băng Adrênh	Hết trụ sở UBND xã Dur Kmăl	1,20
VII	Xã Bình Hoà			
1	Tỉnh lộ 2	Giáp thị trấn Buôn Trấp	Hết ranh giới đất Phân hiệu 2 Mẫu giáo Sao Mai	1,20
		Hết ranh giới đất Phân hiệu 2 Mẫu giáo Sao Mai	Ngã ba đi cầu Ea Chai	1,20
		Ngã ba đi cầu Ea Chai	Đường vào Niệm phật đường Thiện Minh	1,20
		Đường vào Niệm phật đường Thiện Minh	Giáp xã Quảng Điền	1,20
II. Thay thế các nội dung tại Phụ lục XV Hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn huyện Krông Ana, kèm theo Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh, gồm:				
	I. Đất ở đô thị:			
	1. Số thứ tự (STT) 3,4,7,14,15,16,48, 49, 69, 70,71,72, 73,74,75, thị trấn Buôn Trấp.			
	2. Số thứ tự (STT) 9, thị trấn Buôn Trấp:			
9	Chu Văn An	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Chí Thanh	1,30
	3. Số thứ tự (STT) 10 (Thị trấn Buôn Trấp):			
10	Nguyễn Chí Thanh	Hùng Vương	Chu Văn An	1,30
	II. Đất ở nông thôn:			
	1. Số thứ tự (STT) 1,2,3,4,5 Mục I, xã Dray Sáp.			

STT	Tên đường	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất sửa đổi, bổ sung (Lần)
		Từ	Đến	
2. Số thứ tự (STT) 1 Mục II, xã Ea Na:				
1	Tỉnh lộ 2	Đèo Ea Na (giáp xã Đray Sáp)	Đến giáp trường tiểu học Lê Hồng Phong	1,10
		Đến giáp trường tiểu học Lê Hồng Phong	Ngã ba đường vào Hội trường thôn Tân Lập	1,10
		Ngã ba đường vào Hội trường thôn Tân Lập	Ngã ba Nhà thờ Quỳnh Ngọc	1,10
		Ngã ba nhà ông Thanh (Chợ Quỳnh Ngọc)	Bưu điện buôn Tor	1,10
		Bưu điện buôn Tor	Ngã ba (Lên đèo 556)	1,10
		Ngã ba (lên đèo 556)	Cổng chào Buôn Cuăh	1,10
		Cổng chào Buôn Cuăh	Giáp xã Ea Bông	1,10
3. Số thứ tự (STT) 1 Mục III, xã Ea Bông.				
4. Số thứ tự (STT) 2 Mục III, xã Ea Bông:				
2	Tỉnh lộ 10	Tỉnh lộ 2	Đầu buôn Riêng	1,10
5. Số thứ tự (STT) 1 Mục IV, xã Quảng Điền.				
6. Số thứ tự (STT) 1 Mục V, xã Băng Adrênh:				
1	Đường giao thông liên xã (Tỉnh lộ 10A)	Giáp thị trấn Buôn Trấp	Hết chợ trung tâm cụm xã	1,10
		Hết chợ trung tâm cụm xã	Ngã ba buôn K62	1,10
7. Số thứ tự (STT) 2 Mục V, xã Băng Adrênh.				
8. Số thứ tự (STT) 1 Mục VI, xã Dur Kmál:				
1	Đường giao thông liên xã	Giáp ranh xã Băng Adrênh	Hết trụ sở UBND xã Dur Kmál	1,10
9. Số thứ tự (STT) 1 Mục VII xã Bình Hòa.				

Phụ lục VII
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT (K)
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN LẮK

(Kèm theo Quyết định số **17** /2022/QĐ-UBND ngày **05** / **5** /2022 của UBND tỉnh)

I. Nội dung sửa đổi, bổ sung

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất sửa đổi, bổ sung (Lần)
		Từ	Đến	
	ĐẤT Ở NÔNG THÔN			
I	Buôn Tría			
1	Tỉnh lộ 687	Giáp xã Đắc Liêng	Đường đi nghĩa địa thôn Liên Kết 1	1,00
		Đường đi nghĩa địa thôn Liên Kết 1	Cầu Buôn Tría	1,00
		Cầu Buôn Tría	Giáp Buôn Triết	1,00
II	Buôn Triết			
1	Đường đi Mê Linh, Bến dò	Ngã ba Tỉnh lộ 687	Cổng bà Đắc	1,00

II. Thay thế các nội dung tại Phụ lục XIV Hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn huyện Lắk, kèm theo Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh, gồm:

	Đất ở nông thôn			
	1. Số thứ tự (STT) 1 Mục IV, Buôn Tría.			
	2. Số thứ tự (STT) 2 Mục V, Buôn Triết:			
2	Đường đi Mê Linh, Bến dò	Ngã ba Tỉnh lộ 687	Cổng bà Đắc	1,46

Phụ lục VIII
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT (K)
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN M'ĐRÁK
(Kèm theo Quyết định số **17** /2022/QĐ-UBND ngày **05 / 5** /2022 của UBND tỉnh)

I. Nội dung sửa đổi, bổ sung

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất sửa đổi, bổ sung (Lần)
		Từ	Đến	
A	ĐẤT Ở ĐÔ THỊ			
	Thị trấn M'Đrắk			
1	Nguyễn Tất Thành (QL 26)	Km 63 + 700 (cầu Y Thun)	Km 64 + 700 (ngã ba đường B, Phao)	1,30
		Km 64 + 700 (ngã ba đường buôn Phao)	Km 65 + 200 (giáp ranh giới đất Trường Mầm non)	1,30
		Km 65 + 200 (giáp ranh giới Trường Mầm non)	Km 65 + 500 (hết ranh giới đất Trường Kim Đồng)	1,30
		Km 65 + 500 (hết ranh giới đất Trường Kim Đồng)	Km 65 + 680 (hết ranh giới đất Bảo hiểm xã hội)	1,30
		Km 65 + 680 (hết ranh giới đất Bảo hiểm xã hội)	Km 65 + 760 (Cầu ông Tri)	1,30
		Km 65 + 760 (cầu ông Tri)	Km 66 + 300 (giáp ranh xã Krông Jing)	1,30
2	Bà Triệu	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Trần Hưng Đạo	1,30
		Trần Hưng Đạo	Hết đường	1,30
3	Hùng Vương về 2 phía	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Phan Bội Châu	1,30
		Nguyễn Tất Thành (QL26)	Quang Trung	1,30
4	Tôn Thất Tùng	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Km 0 + 110 (Hội trường khối 7)	1,30
		Từ km 0 + 110 (Hội trường Khối 7)	Phan Bội Châu	1,30
5	Trần Phú	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Quang Trung	1,30
6	Ngô Quyền (về 2 phía QL 26)	Km 0	Hết đường Phan Bội Châu	1,30
		Phan Bội Châu	Giáp đường vành đai thị trấn	1,30
		Km 0	Ngã tư hết đất nhà ông Bình	1,30
		Ngã tư hết đất nhà ông Bình	Hết đường	1,30
7	Lý Thường Kiệt	Nguyễn Tất Thành (Tòa án)	Phan Bội Châu	1,30
		Phan Bội Châu	Đường vành đai phía Nam thị trấn	1,30
		Đường vành đai Nam thị trấn	Hết đường	1,30
8	Lê Lợi về 2 phía	Nguyễn Tất Thành	Km 0 + 200 (hết đất nhà bà Cư)	1,30
9	Nguyễn Trãi (Trừ Khu QH Tổ dân phố 6)	Nguyễn Tất Thành	Phan Bội Châu	1,30
		Phan Bội Châu	Đường vành đai phía Nam thị trấn	1,30
		Đường vành đai phía Nam thị trấn	Hết đường	1,30

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất sửa đổi, bổ sung (Lần)
		Từ	Đến	
10	An -D- Vương (Đài TT-TH)	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Phan Bội Châu	1,30
11	Hoàng Diệu về 2 phía	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Quang Trung	1,30
		Nguyễn Tất Thành (QL26)	An Dương Vương	1,30
12	Giải Phóng	Đất ông Sơn (Công An) tại km 0	Phan Bội Châu	1,30
13	Trục dọc song song sau trạm điện (Trừ khu QH tổ dân phố 11 trước Trạm y tế và sau sân vận động)	Lý Thường Kiệt	Ngô Quyền	1,30
14	Lê Duẩn	Từ đường vào Huyện đội	Nguyễn Trãi	1,30
15	Đường vào Huyện đội	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Cổng Huyện đội	1,30
16	Đường trục dọc khu XN gỗ	Hoàng Diệu	Hết đường (sau Trạm Thú y)	1,30
17	Trục ngang tại khu vực XN gỗ	Từ trục dọc sau Trạm Thú y	Đến đường trước Trường Hùng Vương	1,30
18	Các đường ngang còn lại thông ra đường QL26	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Km 0 + 200	1,30
19	Các hẻm ngang thông ra đường QL 26	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Km 0 + 200	1,30
20	Bùi Thị Xuân (đi B. Phao)	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Cầu buôn Phao	1,30
		Cầu buôn Phao	Giáp ranh giới xã Ea Riêng	1,30
21	Quang Trung	Ranh giới đất nhà ông Vịnh (khối 1)	Trần Hưng Đạo	1,30
22	Trần Hưng Đạo (sau chợ Thị trấn)	Quang Trung	Bà Triệu	1,30
		Bà Triệu	Hết đường	1,30
23	Phan Bội Châu (Trừ Khu QH Tổ dân phố 6)	Giải Phóng	Ngô Quyền	1,30
24	Các đường dọc còn lại trong Nội thị			1,30
25	Đường ngang dưới khu chợ	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Km 0 +100 (giáp đường Trần Hưng Đạo)	1,30
26	Kí ốt chợ	Các lô chợ lồng và 16m2		1,30
		Các lô 24m2		1,30
27	Đường Tây Nam thị trấn (Trừ Khu QH Tổ dân phố 6)	Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Hoa	Đường Ngô Quyền	1,30
		Đường Ngô Quyền	Đường Nguyễn Trãi	1,30
		Đường Nguyễn Trãi	Hết đất nhà bà Hoàng Thị Phòng	1,30
		Hết đất nhà bà Hoàng Thị Phòng	Giáp ranh giới xã Krông Jing	1,30
28	Khu QH dân cư mới Tổ dân phố 6 (giáp BCH quân sự huyện)			1,30
	Đường QH tuyến số 1 (Đường vành đai)	Ngã tư Nguyễn Trãi và đường Vành đai	Giáp đất nhà ông Tráng	1,30
	Đường QH tuyến số 2 (Đường Nguyễn Trãi)	Phan Bội Châu	Đường vành đai	1,30

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất sửa đổi, bổ sung (Lần)
		Từ	Đến	
20	Đường QH tuyến số 3 (Đường Phan Bội Châu)	Ngã tư Nguyễn Trãi và Phan Bội Châu	Đường QH tuyến số 4	1,30
	Đường QH tuyến số 4	Đường Phan Bội Châu	Đường vành đai	1,30
	Đường QH tuyến số 5	Đường Nguyễn Trãi	Hết đường quy hoạch	1,30
29	Khu QH dân cư mới Tổ dân phố 9 (gần trường THCS Hùng Vương)			1,30
	Đường QH mới	Ngã ba đường Giải Phóng và đường Phan Bội Châu	Đường Vành đai	1,30
	Đường QH mới	Ngã tư đường Phan Bội Châu và đường An Dương Vương	Hết đường QH	1,30
	Đường ngang thông ra đường Giải Phóng			1,30
	Đường đối diện lò mổ			1,30
	Đường dọc quy hoạch dân cư khu F			1,30
30	Khu QH dân cư Tổ dân phố 11			1,30
	Đường QH mới	Ngã tư đường Lý Thường Kiệt và đường Vành đai	Hết đường quy hoạch	1,30
	Đường QH mới	Ngã tư đường Ngô Quyền và đường vành đai	Hết đường quy hoạch	1,30
	Đường ngang thông ra đường vành đai			1,30
31	Khu QH dân cư Tổ dân phố 11 (Trước Trạm Y tế - Sau sân vận động)			1,30
	Tuyến đường số 2 (đối diện trạm y tế)	Đầu tuyến	Cuối tuyến	1,30
	Tuyến đường số 3 (sau sân vận động)	Đầu tuyến	Cuối tuyến	1,30
32	Đường Khu dân cư Tổ dân phố 3	Cổng chào Tổ dân phố 3	Hết đường (nhà ông Nguyễn Phúc Kiều)	1,30
33	Khu dân cư còn lại nội Thị			1,30
34	Khu dân cư Tổ dân phố 3, Tổ dân phố 4 (trừ khu vực đã có)			1,30
35	Các trục ngang thông ra đường Quang trung, đường Phan Bội Châu, Đường Vành đai thị trấn Km 0 đến Km 0+100			1,30
B	ĐẤT Ở NÔNG THÔN			
I	Xã Cư M'Ta			
1	Quốc lộ 26	Km 62 + 100 (hết ranh giới đất nhà bà Tiềm buôn 2)	Km 62 + 650 (hết ranh giới đất Trại Thủy văn)	1,20
		Km 62 + 650 (hết ranh giới đất Trại Thủy văn)	Km 63 + 700 (ranh giới Thị trấn)	1,20
II	Xã Krông Jing			
1	Quốc lộ 26	Km 66 + 300	Km 66 + 500 (hết đất UBKHHGD)	1,20
		Km 66 + 500 (hết đất UBKHHGD)	Km 66 + 850 (hết đất Lâm trường)	1,20
		Km 66 + 850 (hết đất Lâm trường)	Km 67 + 800 (hết khu dân cư buôn Aê Lai)	1,20
		Km 67 + 800 (hết khu DC buôn Aê Lai)	Km 69 + 500 (qua trại bò huyện)	1,20

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất sửa đổi, bổ sung (Lần)
		Từ	Đến	
III	Xã Ea Pli			
1	Quốc lộ 26	Km 76 + 650 (giáp ranh xã Krông Jing)	Hết ranh giới đất nhà ông Trí	1,20
		Hết ranh giới đất nhà ông Trí	Đến Km 78	1,20
		Hết hội trường thôn 1	Km 79 + 200 (hết ranh giới đất nhà ông Nhiên) thôn 9	1,20
		Km 79 + 200 (hết ranh giới đất nhà ông Nhiên) thôn 9	Km 80 + 600 (cây xăng Nguyệt Thoại) thôn 2	1,20
		Km 80 + 600 (cây xăng Nguyệt Thoại) thôn 2	Km 81 + 50 (hết ranh giới đất bà Hiền Ngụ)	1,20
		Km 81 + 50 (hết ranh giới đất bà Hiền Ngụ)	Hết ranh giới đất bà Dự (đường vào nghĩa địa)	1,20
		Đầu ranh giới thửa đất bà Dự (đường vào nghĩa địa)	Km 84 (giáp ranh xã Ea Tý - Huyện Ea Kar)	1,20

II. Thay thế các nội dung tại Phụ lục XI Hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn huyện M'Đrăk, kèm theo Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh, gồm:

	I. Đất ở đô thị:			
	1. Số thứ tự (STT) từ 01 đến 35, thị trấn M'Đrăk			
	II. Đất ở nông thôn			
	1. Số thứ tự (STT) 1 Mục II xã Cư M'Ta			
I	Xã Cư M'Ta			
1	Quốc lộ 26	Km 62 + 100 (hết ranh giới đất nhà bà Tiềm buôn 2)	Km 62 + 650 (hết ranh giới đất Trạm Thủy văn)	1,00
		Km 62 + 650 (hết ranh giới đất Trạm Thủy văn)	Km 63 + 700 (ranh giới Thị trấn)	1,00
	2. Số thứ tự (STT) 1 Mục III xã Krông Jing.			
II	Xã Krông Jing			
1	Quốc lộ 26	Km 66 + 300	Km 66 + 500 (hết đất UBKHHGĐ)	1,00
		Km 66 + 500 (hết đất UBKHHGĐ)	Km 66 + 850 (hết đất Lâm trường)	1,00
		Km 66 + 850 (hết đất Lâm trường)	Km 67 + 800 (hết khu dân cư buôn Aê Lai)	1,00
		Km 67 + 800 (hết khu DC buôn Aê Lai)	Km 69 + 500 (qua trại bò huyện)	1,00
	3. Số thứ tự (STT) 1 Mục IV xã Ea Pli.			